

chung không còn hạnh phúc nên ông bà không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà D yêu cầu ly hôn với ông H.

Thời gian chung sống bà D và ông H có con chung tên Phạm Quỳnh AA, sinh ngày 20/4/2019 hiện bà D nuôi dạy. Khi ly hôn bà D yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà D và ông H tự thỏa thuận, nợ chung không có nên bà D không yêu cầu giải quyết.

**Tại phiên tòa ông Phạm Hoàng H trình bày:*

Ông H thống nhất với phần trình bày của bà D về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do vợ chồng ông H sống chung không còn hạnh phúc và ly thân từ tháng 6/2024 đến nay nên ông thống nhất ly hôn theo yêu cầu bà D. Con chung ông H thống nhất giao bà D nuôi dạy nhưng ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung hiện ông H quản lý nhưng ông bà đã tự thỏa xong, nợ chung không có nên ông H không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hoàng H. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Phạm Hoàng H có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà D có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà D và ông H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 14/10/2016. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn

nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông H vắng mặt tại lần hòa giải, bà D có yêu cầu xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Trần Ngọc D và ông Phạm Hoàng H được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống ông bà có con chung tên Phạm Quỳnh AA, sinh ngày 20/4/2019. Xét thấy, tại đơn khởi kiện bà D yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu Quỳnh AA là có căn cứ. Bởi vì, cháu Quỳnh AA hiện do bà D nuôi dạy nên việc hoán đổi người trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm cháu Quỳnh AA. Tại phiên tòa ông H thống nhất giao con chung cho bà D nuôi dạy theo yêu cầu bà D. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Quỳnh AA cho bà D nuôi dạy là phù hợp.

Bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D, ông H xác định tài sản chung tự thỏa thuận xong, nợ chung không có nên không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Ngọc D và ông Phạm Hoàng H được ly hôn.

2. Về con chung: Ông Phạm Hoàng H có nghĩa vụ tiếp tục giao con chung tên Phạm Quỳnh AA, sinh ngày 20/4/2019 (giới tính nữ) cho bà Trần Ngọc D tiếp tục nuôi

dạy. Ông Phạm Hoàng H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng ông có quyền thăm nom con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Ngọc D phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 03 tháng 6 năm 2024 bà D có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0016248 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Quốc Văn – Hồ Lệ Hoa

Nguyễn Kiều Trang